

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 347/2021/DS-ST

Ngày 09 tháng 12 năm 2021

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Huy Vũ**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Công Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Mai Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Tấn Dũ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 197/2021/TLST-DS ngày 27/4/2021, về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2021/QĐXXST-DS ngày 25/11/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Bà **Phạm Thị H**, sinh năm: 1974 (có mặt).

- Ông **Lương Văn H1**, sinh năm: 1976 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp PM, xã PQ, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: - Anh **Nguyễn Văn H2**, sinh năm: 1990 (vắng mặt).

- Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm: 1961 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp HH, xã HĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 31/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phạm Thị H và ông Lương Văn H1 trình bày: Do mối quan hệ

quen biết nên vào năm 2019, anh Nguyễn Văn H2 có tham gia chơi hụi do ông bà làm chủ hụi, cụ thể như sau:

Dây hụi tháng 5.000.000 đồng, khai ngày 10/9/2019, gồm 29 phần, anh H2 tham gia 02 phần, đến kỳ khai thứ 3 vào tháng 11/2019, anh H2 hốt một phần và đến kỳ khai thứ 8 vào tháng 4/2020, anh H2 hốt tiếp phần còn lại. Khi ông bà giao tiền hụi, anh H2 và mẹ là bà Nguyễn Thị M cùng nhận tiền, anh H2 ký giấy hốt hai phần hụi ngày 20/11/2019 và ngày 20/4/2020. Sau khi hốt hụi, anh H2 đóng tiền hụi chết đến tháng 6/2020 thì ngưng và cố tình tránh mặt ông bà. Khi ông bà gặp được bà M đòi tiền hụi thì bà M có xin tham gia 01 phần trong dây hụi tháng 2.000.000 đồng để lấy tiền trả thay cho anh H2, ông bà đồng ý. Sau đó, bà M đã hốt hụi được 57.000.000 đồng và trả thay cho anh H2 hết số tiền đó, số tiền còn lại, bà M có hứa đến tết Nguyên đán sẽ nói anh H2 trả tiếp và đóng tiền hụi chết hàng tháng nhưng đến nay vẫn không thực hiện. Đến ngày 21/8/2020, bà M có viết giấy cam kết sẽ trả nợ thay cho anh H2 nếu anh H2 không trả được nợ cho ông bà. Tính đến thời điểm viết đơn khởi kiện, ông bà đã đóng tiền hụi chết thay anh H2 từ tháng 7/2020 đến tháng 3/2021 là 9 tháng, với tổng số tiền 90.000.000 đồng, trừ đi số tiền bà M đã trả thay anh H2 là 57.000.000 đồng thì anh H2 còn nợ ông bà 33.000.000 đồng.

Nay, ông bà yêu cầu anh Nguyễn Văn H2 và bà Nguyễn Thị M cùng liên đới trả số tiền nợ hụi là 33.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 11/5/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị M trình bày: Vào khoảng năm 2019, con bà là Nguyễn Văn H2 có chơi dây hụi tháng 5.000.000 đồng do vợ chồng ông H1 làm chủ, khai ngày 10/9/2019, gồm 29 phần, H2 tham gia 02 phần, đã hốt hụi vào kỳ khai thứ 3 và thứ 8, số tiền bao nhiêu bà không rõ. Sau khi hốt hụi, H2 có đóng hụi chết như nguyên đơn trình bày. Sau đó, H2 không còn khả năng đóng hụi chết nữa nên bà H đã nhiều lần lên nhà bà đòi nợ, bà H nói bà kêu H2 về chơi một dây hụi khác để hốt trả nợ nhưng bà không kêu H2 về được, do đó bà đã chơi một dây hụi 2.000.000 đồng do bà H làm chủ, bà hốt được 57.000.000 đồng và đã trả thay cho H2 hết số tiền đó. Đến ngày 21/8/2020, bà H có đến nhà bà đưa bản cam kết do bà H viết trước nội dung, bà chưa đọc kỹ, chỉ nghĩ đây là giấy xác nhận H2 còn nợ tiền hụi của ông H1, bà H nên bà ký tên.

Nay, bà đồng ý cùng liên đới với anh Nguyễn Văn H2 trả số tiền nợ hụi còn thiếu, bà xin đợi mãi dây hụi mà bà đang chơi do bà H làm chủ, sau đó sẽ trả, do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Quá trình tố tụng, anh Nguyễn Văn H2 vắng mặt dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, anh H2 cũng vắng mặt.

Tại phiên tòa, ông H1 và bà H vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày trước đây. Bà M vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trước đây.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Phạm Thị H và ông Lương Văn H1 khởi kiện bà Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn H2 yêu cầu trả số tiền nợ hui là 33.000.000 đồng, căn cứ vào biên nhận ngày 20/11/2019, ngày 20/4/2020 và bản cam kết ngày 21/8/2020 thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà H, ông H1 và bà M, anh H2 là tranh chấp hợp đồng góp hui được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

[2] Anh Nguyễn Văn H2 vắng mặt dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên Tòa án xét xử vắng mặt anh theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ vào biên nhận ngày 20/11/2019, ngày 20/4/2020, bản cam kết ngày 21/8/2020 và lời trình bày tại tòa của bà Phạm Thị H, ông Lương Văn H1, bà Nguyễn Thị M thể hiện, anh Nguyễn Văn H2 có tham gia đây hui tháng 5.000.000 đồng do bà H và ông H1 làm chủ, khai ngày 10/9/2019, gồm 29 phần, anh H2 tham gia 02 phần, đã hốt hui vào kỳ khai thứ 3 và thứ 8, tính đến thời điểm viết đơn khởi kiện, bà H và ông H1 đã đóng tiền hui chết thay anh H2 là 9 tháng, với tổng số tiền 90.000.000 đồng, trừ đi số tiền bà M đã trả thay anh H2 là 57.000.000 đồng thì anh H2 còn nợ ông bà 33.000.000 đồng. Bà M tuy không có chơi hui do bà H, ông H1 làm chủ nhưng đã ký bản cam kết ngày 21/8/2020 hứa nếu anh Nguyễn Văn H2 có vấn đề về tiền bạc hoặc không đóng tiền hui chết còn lại thì bà sẽ đứng ra trả thay cho anh H2 nên bà phát sinh nghĩa vụ liên đới với anh H2.

Quá trình chơi hui, anh H2 và bà M đã ngưng không đóng tiền hui chết cho bà H, ông H1 từ tháng 7/2020. Do anh H2, bà M vi phạm sự thỏa thuận, không đóng tiền hui chết đúng hạn nên bà H, ông H1 yêu cầu anh H2 liên đới với bà M trả số tiền nợ hui 33.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật là hoàn toàn có cơ sở.

Từ phân tích trên, cần buộc anh Nguyễn Văn H2 có nghĩa vụ liên đới với bà Nguyễn Thị M trả số tiền nợ hui cho bà Phạm Thị H và ông Lương Văn H1 là 33.000.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, ông H1 được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà H, ông H1 được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Anh H2, bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá

ngạch theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điều 275, Điều 288, Điều 342, Điều 471, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H và ông Lương Văn H1.

1/ Buộc anh Nguyễn Văn H2 có nghĩa vụ liên đới với bà Nguyễn Thị M trả cho bà Phạm Thị H và ông Lương Văn H1 số tiền 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Anh Nguyễn Văn H2 và bà Nguyễn Thị M phải chịu 1.650.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Phạm Thị H và ông Lương Văn H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 825.000 đồng theo biên lai số 0004259 ngày 26/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3/ Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu./.

ĐÃ KÝ

Lê Huy Vũ